

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **253/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 28 tháng 4 năm 2023

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Vũ Thị Nguyệt**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Nguyễn Thị Thụy**

2. Ông **Phạm Bá Xuân**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Mai Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 152/TLST- HNGĐ ngày 08/3/2023 về Tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: **Chị Trần Thị Trà M**, Sinh năm 1990. Căn cước công dân số 025190xxxxxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/11/2021; HKTT: phường N, quận B, thành phố Hà Nội; Nơi ở: A, phường T, quận T, thành phố Hà Nội. (*Có mặt tại phiên tòa*).

Bị đơn: **Anh Trần Trung K**, Sinh năm 1986. Chứng minh nhân dân số 001086xxxxxx do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 17/08/2015; HKTT và nơi ở: H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội. (*Có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2023 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Trà M trình bày :

Chị và anh Trần Trung K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và được sự đồng ý của hai gia đình, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 04/3/2016 tại UBND phường N, quận B, thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị về chung sống tại số x ngõ xx H,

phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Đây là nhà của bố mẹ chồng chị.

Quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu có mâu thuẫn nhỏ đến tháng 2/2023 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân chính do vợ chồng không phù hợp, không hòa thuận trong công việc sinh hoạt chung và vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Tháng 2/2019, anh K đi vào Miền Nam làm ăn nên vợ chồng từ đó lại càng xa cách. Đến đầu năm 2023, anh K trở về, vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn căng thẳng. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị cũng đã lắng nghe về nhau nhiều hơn nhưng vợ chồng vẫn không thể có tiếng nói chung. Hiện tại, chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại Ngõ xx ngách xx A, quận T, thành phố Hà Nội ở. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Đến nay, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị M và anh K có 02 con chung là Trần Minh Kh, sinh ngày 12/12/2012 và cháu Trần Mai T, sinh ngày 20/7/2016. Trên thực tế trước khi chị M kết hôn với anh K, chị M đã có quan hệ vợ chồng với người khác sinh ra cháu Trần Minh Kh. Anh K chỉ đứng tên cha đẻ trên giấy khai sinh cho cháu Trần Minh Kh theo Trích lục khai sinh số 214/TLKS-BS của Ủy ban nhân dân phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cấp ngày 19/9/2016. Chị Trần Thị Trà M đề nghị Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định ADN xác định quan hệ huyết thống giữa cháu Trần Minh Kh và anh Trần Trung K. Tại kết quả xét nghiệm ADN số 3750H/2023 ngày 13/3/2023, kết luận Trần Trung K không có quan hệ huyết thống bố - con với Trần Minh K, độ tin cậy trên 99,999999%. Chị M đề nghị Tòa án xác định anh Trần Trung K không phải cha đẻ cháu Trần Minh Kh.

Cháu Trần Mai T, sinh ngày 20/7/2016 là con đẻ của chị và anh K. Hiện tại, cháu T đang ở cùng chị, suốt quá trình từ khi cháu T còn nhỏ và trong suốt thời gian 4 năm anh K đi làm ăn xa nhà, chị M là người chăm sóc nuôi dưỡng con chung, vẫn đảm bảo cháu có sức khỏe và học tập tốt. Khi ly hôn, chị M xin được nuôi dưỡng con chung cháu Trần Mai T, chị M không yêu cầu anh K đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đến khi cháu Trần Mai T trưởng thành. Hiện nay chị M đang là nhân viên kinh doanh của Công ty TNHH TMDV I, lương thu nhập bình quân 01 tháng là 20.000.000 VNĐ (*Hai mươi triệu đồng*). Ngoài ra chị còn bán hàng online thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 VNĐ (*Mười triệu đồng*). Hiện nay, chị đang ở với bố mẹ đẻ, ông Trần Văn Đ – bố đẻ chị M có đơn trình bày và đề nghị ông là Thượng tá – Nguyên cán bộ công an đã nghỉ hưu, ông Đ cho chị M toàn bộ tiền lương hưu của ông là 11.729.000 VNĐ (*Mười một triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn đồng*) để chăm sóc và cho cháu ăn học. Ông Đ có giấy viết tay sang tên chuyển nhượng nhà đất ở tại địa chỉ: A, phường T, quận T, thành phố Hà Nội. Ông Đ và gia đình sẽ hỗ trợ cùng chị chăm sóc cháu Trần Mai T và không yêu cầu anh K đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đến khi con chung Trần Mai T trưởng thành.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh K không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết và các lời khai tại Tòa án, anh Trần Trung K trình bày:

Tôi và chị Trần Thị Trà M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và được sự đồng ý của hai gia đình có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 04/3/2016 tại UBND phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi về chung sống tại H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Đây là nhà của bố mẹ đẻ tôi.

Quá trình chung sống vợ chồng trước năm 2019 tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, đến ngày mừng 2 Tết năm 2023 khi tôi đi làm ăn xa ở Sài Gòn về thì chị M cương quyết đòi ly hôn và gửi đơn cho tôi. Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra, tôi có hỏi thì chị M nói không hợp nhau và không thể hàn gắn vợ chồng. Đến ngày 24/02/2023, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng bởi vì chị M đã có quan hệ với người khác. Tôi không chứng kiến việc chị M có quan hệ với người khác mà tôi nghe những người thân nói với tôi. Chúng tôi không tìm được tiếng nói chung để hai bên có thể hòa giải. Đến nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi và chị M được ly hôn.

Về con chung: Trước khi tôi kết hôn với chị M, chị M đã có con riêng với người khác là cháu Trần Minh Kh, sinh ngày 12/12/2012 và tôi đã đứng tên cha đẻ cháu Trần Minh Kh theo Trích lục khai sinh số 214/TLKS-BS của Ủy ban nhân dân phường N, quận B, thành phố Hà Nội cấp ngày 19/9/2016. Chị Trần Thị Trà M đề nghị Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định ADN xác định quan hệ huyết thống giữa tôi và cháu Trần Minh Kh, tôi cũng đồng ý và đề nghị Tòa án làm rõ quan hệ huyết thống giữa cháu Kh và tôi. Tại kết quả xét nghiệm ADN số 3750H/2023 ngày 13/3/2023, kết luận tôi không có quan hệ huyết thống bố - con với Trần Minh Kh, độ tin cậy trên 99,999999%. Tôi đề nghị Tòa án xác định tôi không phải cha đẻ cháu Trần Minh Kh.

Tôi và chị Trần Thị Trà M có 01 con chung là cháu Trần Mai T, sinh ngày 20/7/2016. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Mai T. Về điều kiện nuôi dưỡng, khi tôi đi làm ăn xa từ 02/2019 đến 02/2023 thì quay về Hà Nội, trong thời gian đó tôi vẫn chuyển tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng vào số tài khoản cho chị Trần Thị Trà M từ 500.000 VNĐ – 7.000.000 VNĐ/1 tháng để hỗ trợ cấp dưỡng nuôi cháu Mai T. Hiện nay, tôi đang ở số xx ngõ xx H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội, rất gần với trường Tiểu học N nơi cháu đang theo học nên sẽ tiện cho việc học tập của cháu. Gia đình tôi có 3 người sống trên diện tích 20m² (5 tầng), có thể đảm bảo được điều kiện sinh sống của cháu T. Tôi đang làm việc tại Viện N và có quyết định bổ nhiệm Phó trưởng ban Đ,

tổng thu nhập là 9.800.000 VNĐ (*Chín triệu tám trăm nghìn đồng*)/1 tháng. Ngoài ra, tôi có làm thêm công việc giao hàng ngoài giờ, thu nhập trung bình khoảng 6.000.000 VNĐ (*Sáu triệu đồng*)/1 tháng. Hiện tại, tôi đang ở cùng bố mẹ đẻ, sau giờ hành chính bố mẹ tôi có thể hỗ trợ việc chăm sóc, đưa đón và sinh hoạt của cháu Mai T và không yêu cầu chị M đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đến khi cháu Trần Mai T trưởng thành.

Về tài sản chung: Tôi và chị M không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi và chị M không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh K, anh K cũng đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được thuận tình ly hôn.

Anh K và chị M đề nghị Tòa án xác định anh K không phải là cha đẻ cháu Trần Minh Kh theo Trích lục khai sinh số 214/TLKS-BS của Ủy ban nhân dân phường N, quận B, thành phố Hà Nội cấp ngày 19/9/2016. Tại kết quả xét nghiệm ADN số 3750H/2023 ngày 13/3/2023, tại kết quả giám định kết luận anh K không có quan hệ huyết thống bố - con với Trần Minh Kh, độ tin cậy trên 99,999999%.

Anh K, chị M đều có nguyện vọng được chăm sóc và nuôi dưỡng con chung cháu Trần Mai T, sinh ngày 20/7/2016. Chị M và anh K đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và các đương sự là chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Trà M, chị M được ly hôn anh Trần Trung K.

Về con chung:

Tại kết quả xét nghiệm ADN số 3750H/2023 ngày 13/3/2023, kết luận anh Kiên không có quan hệ huyết thống bố - con với Trần Minh Kh, độ tin cậy trên 99,999999%. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định cháu Trần Minh Kh, sinh ngày 12/12/2012 không có quan hệ huyết thống bố - con với anh Trần Trung K theo Trích lục khai sinh số 214/TLKS-BS của Ủy ban nhân dân phường N, quận B, thành phố Hà Nội cấp ngày 19/9/2016.

Giao con chung cháu Trần Mai T, sinh ngày 20/7/2016 cho chị Trần Thị

Trà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh K đến khi chị M có yêu cầu hoặc có sự thay đổi của pháp luật. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M, anh K xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Chị M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Trà M khởi kiện xin ly hôn anh Trần Trung K. Anh Trần Trung K có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ba Đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về nội dung: Chị Trần Thị Trà M và anh Trần Trung K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 04/3/2016 tại UBND phường N, quận B, thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị M là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng trong quan điểm sống, cuộc sống không có hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, chị M trình bày chị đã thực sự không còn tình cảm với anh K và kiên quyết xin ly hôn. Anh Trần Trung K cũng xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh K cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, cần ghi nhận thuận tình ly hôn của chị Trần Thị Trà M và anh Trần Trung K.

[3]. Về con chung: Chị M và anh K có 02 con chung là Trần Minh Kh, sinh ngày 12/12/2012 và cháu Trần Mai T, sinh ngày 20/7/2016. Trên thực tế, trước khi chị M kết hôn với anh K, chị M đã có quan hệ vợ chồng với người khác sinh ra cháu Trần Minh Kh. Anh K chỉ đứng tên cha đẻ trên giấy khai sinh cho cháu Trần Minh Kh theo Trích lục khai sinh số 214/TLKS-BS của Ủy ban nhân dân phường N, quận B, thành phố Hà Nội cấp ngày 19/9/2016. Chị Trần Thị Trà M đề nghị Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định ADN xác định quan hệ huyết thống giữa cháu Trần Minh Kh và anh Trần Trung K. Tại kết quả xét nghiệm ADN số 3750H/2023 ngày 13/3/2023, kết luận Trần Trung K không có quan hệ huyết thống bố - con với Trần Minh Kh, độ tin cậy trên 99,999999%. Từ những phân tích trên, căn cứ vào Điều 88, Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M và anh K xác định anh Trần Trung K không có quan hệ huyết thống bố - con với cháu Trần Minh Kh theo Trích lục khai sinh số 214/TLKS-BS của Ủy ban nhân dân

phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cấp ngày 19/9/2016.

Quá trình giải quyết vụ án, chị M xin được nuôi cháu Trần Mai T, anh K không đồng ý và cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T.

Xét về mức thu nhập: Tại Hợp đồng lao động số 04/2020/HĐLD ngày 01/01/2020 của Công ty TNHH TMDV I, mức lương của chị M là 20.000.000 VNĐ (*Hai mươi triệu đồng*)/01 tháng và chị có bán hàng online thu nhập 10.000.000 VNĐ (*Mười triệu đồng*)/01 tháng. Chị M được hỗ trợ về điều kiện ăn ở, sinh hoạt, kinh tế từ gia đình bố mẹ đẻ. Tại các buổi làm việc, anh K trình bày anh đang công tác tại Viện N, lương thu nhập bình quân 9.800.000 VNĐ (*Chín triệu tám trăm nghìn đồng*)/01 tháng và anh K có quyết định bổ nhiệm Phó trưởng ban H trực thuộc Viện N số 62/2022/QĐ-VNC ngày 25/12/2022. Ngoài ra, anh còn giao hàng ngoài giờ thu nhập khoảng 6.000.000 VNĐ (*Sáu triệu đồng*)/01 tháng và được gia đình hỗ trợ về điều kiện kinh tế, sinh hoạt, nơi ở và hỗ trợ anh K chăm sóc cháu T. Như vậy, về điều kiện kinh tế thì chị M và anh K đều có thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, việc giao con chung cho ai chăm sóc nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền và lợi ích của con; thời gian cháu T còn nhỏ, anh K thường xuyên đi công tác xa không trực tiếp chăm sóc cháu T; hiện tại, chị M đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T ổn định; do đó, xét điều kiện thực tế của anh K và chị M cùng quyền lợi của cháu T, Hội đồng xét cần thiết giao cháu Trần Mai T cho chị Trần Thị Trà M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi có sự thay đổi khác.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Trong quá trình Toà án giải quyết, chị Trần Thị Trà M và anh Trần Trung K xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay nợ và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Toà án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị Trà M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 88; Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Trà M.

1. Chị Trần Thị Trà M được ly hôn anh Trần Trung K.

2. Về con chung:

- Xác định anh Trần Trung K không có quan hệ huyết thống bố - con với cháu Trần Minh Kh, sinh ngày 12/12/2012 theo Trích lục khai sinh số 214/TLKS-BS của Ủy ban nhân dân phường N, quận B, thành phố Hà Nội cấp ngày 19/9/2016.

- Giao cháu Trần Mai T, sinh ngày 20/7/2016 cho chị Trần Thị Trà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Trung K. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Trà M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0007566 ngày 08/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Chị Trần Thị Trà M, anh Trần Trung K có quyền kháng cáo bản án trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THADS quận Ba Đình;
- TAND TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Nguyệt